

Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lí	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
A	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP						
I	ĐẤT QUỐC PHÒNG	95,74	6,03	89,71			
1	Trung đoàn BB892 (Đại đội BB3) mở rộng	8,35	2,10	6,25	Thị trấn Ba Chúc		
2	Ban CHQS huyện Tri Tôn	5,00		5,00	Thị trấn Ba Chúc		
3	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Thị trấn Ba Chúc		
4	Ban CHQS huyện Tri Tôn (MR Trường bắn)	6,00	3,93	2,07	Thị trấn Cỏ Tô		
5	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Thị trấn Tri Tôn		
6	Bộ CHQS tỉnh	7,37		7,37	Xã Lạc Quới		
7	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã Châu Lăng		
8	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Xã Châu Lăng		
9	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã Lương Phi		
10	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Xã Lương Phi		
11	Trung đoàn BB892	30,00		30,00	Xã Lương Phi		
12	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã An Tức		
13	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã Núi Tô		
14	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Xã Núi Tô		
15	Ban CHQS huyện Tri Tôn	4,00		4,00	Thị trấn Cỏ Tô		
16	Bộ CHQS tỉnh	10,00		10,00	Thị trấn Cỏ Tô		
17	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã Ô Lắm		
18	Ban CHQS huyện Tri Tôn	5,00		5,00	Xã Tà Đánh		
19	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Xã Tà Đánh		
20	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,10		0,10	Xã Vĩnh Phước		
21	Ban CHQS huyện Tri Tôn	0,20		0,20	Xã Lê Trì		
22	Bộ CHQS tỉnh	3,12		3,12	Xã Vĩnh Gia		
23	Công trình Quốc phòng (QK)	7,50		7,50	Xã Vĩnh Gia		
24	Công trình Quốc phòng (QK)	7,40		7,40	Xã Lạc Quới		
II	ĐẤT AN NINH	6,91		6,91			
1	Trụ sở Công An huyện Tri Tôn	3,00		3,00	Thị trấn Tri Tôn		
2	Trụ sở Đội Cảnh sát chữa cháy và CNCH khu vực Tri Tôn	0,31		0,31	Thị trấn Tri Tôn		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự PCCC và CNCH tại CCN Lương An Trà 2	0,20		0,20	Xã Lương An Trà	Văn bản số 2113/CAT-PH10 ngày 22/5/2023 của Công an tỉnh An Giang	
2	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự PCCC và CNCH tại CCN Núi Tô	0,20		0,20	Xã Núi Tô		
3	Trụ sở Đội Cảnh sát chữa cháy và CNCH khu vực Tri Tôn	0,20		0,20	Thị trấn Tri Tôn		
*	Trụ sở Công an cấp xã						
1	Trụ sở Công an Thị trấn Tri Tôn	0,20		0,20	Thị trấn Tri Tôn		
2	Trụ sở Công an Thị trấn Ba Chúc	0,20		0,20	Thị trấn Ba Chúc		
3	Trụ sở Công an Thị trấn Cỏ Tô	0,20		0,20	Thị trấn Cỏ Tô		
4	Trụ sở Công an xã Lương Phi	0,20		0,20	Xã Lương Phi		
5	Trụ sở Công an xã Núi Tô	0,20		0,20	Xã Núi Tô		
6	Trụ sở Công an xã Lê Trì	0,20		0,20	Xã Lê Trì		
7	Trụ sở Công an xã Châu Lăng	0,20		0,20	Xã Châu Lăng		
8	Trụ sở Công an xã An Tức	0,20		0,20	Xã An Tức		
9	Trụ sở Công an xã Tân Tuyến	0,20		0,20	Xã Tân Tuyến		
10	Trụ sở Công an xã Tà Đánh	0,20		0,20	Xã Tà Đánh		
11	Trụ sở Công an xã Ô Lắm	0,20		0,20	Xã Ô Lắm		
12	Trụ sở Công an xã Lương An Trà	0,20		0,20	Xã Lương An Trà		
13	Trụ sở Công an xã Vĩnh Gia	0,20		0,20	Xã Vĩnh Gia		
14	Trụ sở Công an xã Lạc Quới	0,20		0,20	Xã Lạc Quới		
15	Trụ sở Công an xã Vĩnh Phước	0,20		0,20	Xã Vĩnh Phước		
III	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP	221,96	11,96	210,00			
1	Cụm Công nghiệp Lương An Trà	101,96	11,96	90,00	Xã Lương An Trà		
2	Cụm Công nghiệp Núi Tô	60,00		60,00	Xã Núi Tô		
3	Cụm Công nghiệp Cỏ Tô	30,00		30,00	Thị trấn Cỏ Tô		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Cụm Công nghiệp Lương An Trà 3	30,00		30,00	Xã Lương An Trà	Số: 426 /BC-TNMT ngày 16 tháng 5 năm 2023	
IV	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	185,44	61,80	123,64			
1	Khu Du lịch Nông nghiệp và tâm linh Hồ Tà Pa	18,50		18,50	Xã Núi Tô		
2	Khu Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Soài Chék	56,80	41,80	15,00	Xã Núi Tô		
3	Khu Du lịch Suối Vàng (hồ Soài So)	40,00	20,00	20,00	Xã Núi Tô		
4	Khu du lịch di tích cách mạng Hồ Ô Tà Sóc	15,00		15,00	Xã Lương Phi		
5	Khu du lịch Hồ Cỏ Tô	10,00		10,00	Thị trấn Cỏ Tô		
6	Thương mại dịch vụ trung tâm Thị trấn Cỏ Tô	1,00		1,00	Thị trấn Cỏ Tô		
7	Trung tâm thương mại	3,00		3,00	Thị trấn Ba Chúc		
8	Quỹ đất kêu gọi đầu tư phát triển Thương mại dịch vụ đô thị Ba Chúc	1,30		1,30	Thị trấn Ba Chúc		
9	Quỹ đất kêu gọi đầu tư phát triển Thương mại dịch vụ đô thị Tri Tôn	21,00		21,00	Thị trấn Tri Tôn		
10	Quỹ đất kêu gọi đầu tư phát triển Thương mại dịch vụ Châu Lăng	3,00		3,00	Xã Châu Lăng		
11	Khu thương mại, dịch vụ trung tâm xã	5,00		5,00	Xã Tân Tuyến		
12	CH đầu ấp An Thạnh	0,06		0,06	Xã Lê Trì		
13	CH xăng dầu Lê Quốc Thái	0,20		0,20	Xã Tân Tuyến		
14	CH xăng dầu Thái Thi	0,20		0,20	Xã Tà Đánh		
15	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất các trạm xăng dầu	3,00		3,00	toàn huyện		
16	Siêu thị	0,28		0,28	TT. Tri Tôn		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Khu bến cảng, du lịch sinh thái, tâm linh đối Sà Lôn tại huyện Tri Tôn	100,84		100,84	Lương Phi, Châu Lăng	Số: 658/SGTVT-QLKCHTGT ngày 29 tháng 3 năm 2023	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
2	CH xăng dầu dự kiến	0,26		0,26	Xã Lương Phi	UBND xã đăng ký nhu cầu	
3	CH xăng dầu dự kiến	0,10		0,10	Xã An Tức		
4	CH xăng dầu dự kiến	0,06		0,06	Xã Vĩnh Gia		
5	CH xăng dầu dự kiến (Petrolimes)	0,20		0,20	Xã Vĩnh Gia		
6	CH xăng dầu tuyến QL N1 ấp Vĩnh Phú	0,10		0,10	Lạc Quới		
7	CH xăng dầu tuyến QL N1 ấp Vĩnh Thuận	0,10		0,10	Lạc Quới		
8	CH xăng dầu ĐH 80 ấp Vĩnh Hòa	0,10		0,10	Lạc Quới		
9	CH xăng dầu đường kênh T5 (ĐH 82) ấp Vĩnh Thuận	0,10		0,10	Lạc Quới		
10	CH xăng dầu (dự kiến ở DT 945)						
11	Điểm dừng chân kết hợp du lịch sinh thái	1,31		1,31	Xã Núi Tô	CN VPDK đăng kí nhu cầu	
V	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP	98,84		98,84			
1	Lò giết mổ tập trung huyện	1,00		1,00	Xã Núi Tô		
2	Quỹ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,00		5,00	Thị trấn Cỏ Tô		
3	Kho thuốc nổ khai thác đá	1,00		1,00	Thị trấn Cỏ Tô		
4	Nhà máy xay xát, kho lương thực	4,68		4,68	Xã Vĩnh Gia		
5	Khu phức hợp sản xuất lúa hữu cơ và cụm kho bảo quản Nông sản	10,00		10,00	Xã Lương An Trà		
6	Quỹ đất kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh	10,00		10,00	Xã Vĩnh Gia		
7	Quỹ đất kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh	11,00		11,00	Xã Châu Lăng		
8	Quỹ đất kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh	3,50		3,50	Xã Lạc Quới		
9	Quỹ đất kêu gọi đầu tư nhà máy xay xát	7,00		7,00	Xã Lạc Quới		
10	Kho tập kết nông sản	3,00		3,00	Xã Lạc Quới		
11	Trạm cấp nước (ấp Vĩnh Phú)	0,02		0,02	Xã Lạc Quới		
12	Quỹ đất kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh	10,00		10,00	Thị trấn Ba Chúc		
13	Nhà máy chế biến, kho- chuỗi cây mủ công nghiệp xuất khẩu (Công ty THHH XNK nông sản Xanh Việt)	7,00		7,00	Xã Tân Tuyên		
14	Nhà máy Sản xuất chuỗi chế biến XK, phát triển giống chuối Cây mủ CNC	0,60		0,60	Xã Vĩnh Phước		
15	Nhà máy sấy, kho tồn trữ, xay xát lúa gạo xuất khẩu (Trần Kiều Mai Diễm Phước)	2,61		2,61	Xã Vĩnh Phước		
16	Nhà máy nước suối thiên nhiên đóng chai THTP Tri Tôn	4,90		4,90	Thị trấn Tri Tôn		
17	Nhà máy sản xuất lúa gạo an toàn theo tiêu chuẩn VietGap	1,50		1,50	Xã Tà Đảnh		
18	Nhà máy sản xuất gạch không nung Cỏ Tô	14,50		14,50	Thị trấn Cỏ Tô		
VI	ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, LÀM ĐÓ GÓM	392,54	149,10	243,44			
1	Vùng thăm dò khai thác đá xây dựng	291,00	81,06	209,94	Xã Châu Lăng Cỏ Tô		
	Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030						
1	Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO	96,64	68,04	28,60	Lương Phi, Châu Lăng	Số: 668/STNMT-ĐD ngày 6 tháng 3 năm 2023	
2	Khai thác mỏ đá núi Cỏ Tô (khu II)	4,90		4,90	Xã Ô Lắm		
VII	ĐẤT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ						
VII.1	ĐẤT GIAO THÔNG	233,62		233,62			
1	Quốc Lộ 91D, (ĐH. 85), đạt chuẩn cấp III (từ QL. N1 xã Vĩnh Gia- xã Tân Tuyên ranh Thoại Sơn)	80,00		80,00	Vĩnh Gia Vĩnh Phước, Lương An Trà, Ô Lắm, Cỏ Tô, Tân Tuyên		
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến Tri Tôn-Vàm Rầy (ĐT 958) thành QL. N2, đạt chuẩn cấp IV (từ ĐT 941 xã Tà Đảnh- xã Lương An Trà, ranh KG)	10,00		10,00	Núi Tô, An Tức, Lương An Trà		
3	Nâng cấp, mở rộng Đường Tỉnh 945 thành QL 80C (đạt tiêu chuẩn cấp III)	7,00		7,00	Tà Đảnh, Cỏ Tô		
4	Nâng cấp, mở rộng đường Tỉnh 955B (đạt tiêu chuẩn cấp IV)	2,20		2,20	Châu Lăng, Lương Phi, Ba Chúc, Lạc Quới		
5	ĐH. cấp Kênh 10 (ĐT 941 Tà Đảnh- ranh KG) dài 17km độ rộng 13m (ĐH 79) (mở rộng)	5,10		5,10	Tà Đảnh, Tân Tuyên		
6	ĐH. cấp Kênh mới (kênh Tám Ngàn xã Lương phi - N1 xã Lạc Quới) dài 11,7km độ rộng 13m (ĐH 80) (nâng cấp)	3,51		3,51	Lương Phi, Vĩnh Phước, Lạc Quới		
7	ĐH. Ba Chúc- Sóc Túc (ĐT 955B Ba Chúc- ĐT 949 xã Lê Trì) dài 5,7km độ rộng 13m (ĐH 81) (nâng cấp đường huyện)	5,01		5,01	Ba Chúc, Lê Trì		
8	Đường T5 (Tuyến N1- ranh KG) dài 11km độ rộng 13m (ĐH 82) (mở rộng)	3,30		3,30	Xã Vĩnh Gia		
9	ĐH. Tây kênh Vĩnh Thành 3 (T5 xã Vĩnh Phước -ĐT958 Lương An Trà) dài 8,5km độ rộng 13m (ĐH 83) (mở rộng)	2,55		2,55	Vĩnh Phước, Lương An Trà		
10	ĐH . Nam kênh chữ U (ĐT 958 Lương An Trà- kênh sườn H- xã Ô Lắm) dài 9,5km độ rộng 13m (ĐH 84) (mở rộng)	2,85		2,85	Xã Lương An Trà		
11	ĐH. 79B (Tri Tôn -Vàm Rầy, gần cầu chữ U-ĐT 945 xã Cỏ Tô) dài 17km độ rộng 13m (ĐH 79B) (mở rộng)	5,82		5,82	Lương An Trà, Ô Lắm, Cỏ Tô		
12	ĐH. 80B (ĐT943 ranh TT. Tri Tôn- xã Tà Đảnh, Châu Thành) dài 12,7km độ rộng 13m (ĐH 80B) mở mới	13,27		13,27	Núi Tô, Tà Đảnh		
13	Đường nối từ Điện Biên Phủ đến Nguyễn Thị Minh Khai	0,30		0,30	Thị trấn Tri Tôn		
14	Đường nối từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Nguyễn Trãi (Đường số 2)	0,53		0,53	Thị trấn Tri Tôn		
15	Đường nối từ Lý Tự Trọng đến Nam Kỳ Khởi nghĩa (Đường số 1)	0,44		0,44	Thị trấn Tri Tôn		
16	Đường vào Khu hành chính mới của huyện	1,80		1,80	Thị trấn Tri Tôn		
17	Giao thông nội thị - đô thị Tri Tôn	10,00		10,00	Thị trấn Tri Tôn		
18	Đường nối Khu Du Lịch Soài Chèk - An Tức	4,00		4,00	Xã Núi Tô		
19	Đường cấp kênh Soài So (nối từ Hồ- ĐT 945)	6,05		6,05	Xã Núi Tô		
20	Mở rộng đường kênh Soài So (từ công Soài So đến ĐT 945- Cầu kênh Soài So)	2,58		2,58	Xã Núi Tô		
21	Nâng cấp, mở rộng đường lên chùa Vân Long	1,00		1,00	Xã Núi Tô		
22	Nâng cấp, mở rộng đường từ ranh xã An Tức (khu vực thót lốt Trái tim) - ĐT 958 (từ Thốt Lốt Trái tim - ĐT 958)	2,50		2,50	Xã An Tức		
23	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ ĐT 958 (cầu vượt số 2 -An Tức sang ĐT 955B -Lương Phi)	0,75		0,75	Xã Lương Phi		
24	Nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông kênh Bến Xá (kết nối từ ĐT 958 sang ĐT 955B)	0,96		0,96	Xã Lương Phi		
25	Mở mới tuyến đường Vành Dại Ba Chúc	6,00		6,00	Thị trấn Ba Chúc		
26	Giao thông nội thị - đô thị Ba Chúc	10,00		10,00	Thị trấn Ba Chúc		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
27	Mở rộng đường vào Trường bản Cò Tô	0,50		0,50	Thị trấn Cò Tô		
28	Mở rộng đường vào khu du lịch Hồ Cò Tô	0,80		0,80	Thị trấn Cò Tô		
29	Mở rộng đường bờ bắc kênh Huê Đức	1,00		1,00	Thị trấn Cò Tô		
30	Giao thông nội thị - đô thị Cò Tô	12,00		12,00	Thị trấn Cò Tô		
31	Đường vòng Núi Nam Quý	5,00		5,00	Xã Châu Lăng		
32	Mở mới tuyến giao thông lộ trên (núi dài)	2,00		2,00	Xã Lương Phi		
33	Mở rộng giao thông tuyến đường kênh mới	1,00		1,00	Xã Lương Phi		
34	Đường giao thông triển núi Sà Lôn- Ô Tà Sóc	2,50		2,50	Xã Lương Phi		
35	Đường lên HTX bến Bà Chi	2,00		2,00	Xã Lê Trì		
36	Bãi xe phục vụ du lịch Khu di tích nhà mồ	2,00		2,00	Thị trấn Ba Chúc		
37	Bến xe mới huyện	1,20		1,20	Thị trấn Tri Tôn		
38	Bến xe Ba Chúc	1,50		1,50	Thị trấn Ba Chúc		
39	Bãi tập kết đá Cò Tô	3,00		3,00	Thị trấn Cò Tô		
40	Xây mới cầu kênh 15	0,10		0,10	Thị trấn Cò Tô		
41	Dự án xây dựng kẻ cống đường tỉnh 943; 959	1,00		1,00	Thị trấn Cò Tô		
42	Xây mới sân bay Dù lượn	3,00		3,00	Xã Núi Tô		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Đường bờ Đông kênh 24	1,00		1,00	Xã Lê Trì	UBND xã đăng ký nhu cầu	
2	Tuyến Đường Sộp Đa	1,56		1,56	Thị trấn Ba Chúc		
3	Đường vào khu khai thác đá (City Hòa An)	0,95		0,95	Xã Ô Lâm		
4	Đường tránh Hồ Ô Thum	0,78		0,78	Xã Ô Lâm		
5	Dự án ĐT 948	2,54		2,54	Thị trấn Tri Tôn		
6	Tuyến giao thông đường Xã	0,30		0,30	Xã Lạc Quới		
7	Tuyến giao thông đường Mương Bông	0,25		0,25	Xã Lạc Quới		
8	Tuyến giao thông đường Kênh 9	0,40		0,40	Xã Lạc Quới		
9	Tuyến GT liên ấp	1,60		1,60	Xã Tà Đảnh		
10	Tuyến GT đường Thanh Niên nối dài	0,26		0,26	Thị trấn Tri Tôn		
11	Mở rộng tuyến đường bờ Đông kênh Châu Lăng 2	0,25		0,25	Xã Châu Lăng		
12	Tuyến đường GTNT	0,35		0,35	Xã Châu Lăng		
13	Cầu Cò Tô				TT. Cò Tô		
14	Tuyến đường GTNT Ông Tà Núi dài				Xã Vĩnh Phước	P.NNPTNT đăng ký nhu cầu	
	<i>VII.2 ĐẤT THỦY LỢI</i>	166,21		166,21			
1	Hồ Đăkplay (Xây dựng HTTL vùng cao thích ứng biến đổi khí hậu phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp cho dân tộc vùng 7 núi)	23,60		23,60	Xã An Tức		
2	Hồ Cò Tô (Xây dựng HTTL vùng cao thích ứng biến đổi khí hậu phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp cho dân tộc vùng 7 núi)	9,30		9,30	Thị trấn Cò Tô		
3	Hồ Núi Dài 3 (Ô Tà Dung)	13,71		13,71	Xã Lương Phi		
4	Hồ Núi Dài 1 (khu vực sau chùa Ông chín)	19,50		19,50	Thị trấn Ba Chúc		
5	Hồ Ba Chúc (khu vực giếng Bà Năm)	19,50		19,50	Thị trấn Ba Chúc		
6	Hồ Ô Đá	10,00		10,00	Thị trấn Ba Chúc		
7	Hồ lũng bùn Nhà máy nước Ba Chúc	0,13		0,13	Thị trấn Ba Chúc		
8	Hồ Ô Vàng 1	30,00		30,00	Xã Lê Trì		
9	Xây mới 2 tiểu hồ cấp sản đưa bỏ	2,00		2,00	Xã Núi Tô		
10	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bẫy núi tỉnh An Giang	14,24		14,24	Lê Trì, An Tức, Châu Lăng, Ô Lâm		
11	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc Hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	1,20		1,20	Lạc Quới, Vĩnh Gia		
12	Trạm bơm tuyến bến Xã- bến cây Dầu	1,50		1,50	Xã Lương Phi		
13	Khu xử lý nước thải tập trung huyện	1,00		1,00	Xã An Tức		
14	Khu xử lý nước thải đô thị Cò Tô	1,00		1,00	Thị trấn Cò Tô		
15	Khu xử lý nước thải đô thị Ba Chúc	3,04		3,04	Thị trấn Ba Chúc		
	<i>VII.3 ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VẤN HÓA</i>	27,63		27,63			
1	Quảng trường - khu hành chính mới huyện	25,00		25,00	Thị trấn Tri Tôn		
2	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng	0,25		0,25	Xã Tân Tuyển		
3	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng	0,25		0,25	Xã Ô Lâm		
4	Trung tâm văn hoá Thị trấn Ba Chúc	0,50		0,50	Thị trấn Ba Chúc		
5	Trung tâm văn hóa, thể thao	0,25		0,25	Xã Lạc Quới		
6	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng	0,25		0,25	Xã Lê Trì		
7	Xây dựng điểm văn hoá tại cây Dầu Rái	0,10		0,10	Thị trấn Cò Tô		
8	Điểm văn hóa-thể thao ấp: An Thanh; Trung An; Sóc Tức	0,30		0,30	Xã Lê Trì		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Đài Tưởng Niệm	0,10		0,10	Thị trấn Ba Chúc	UBND xã đăng ký nhu cầu	
2	Hoàn đổi phần diện tích đất của Bưu điện Văn hóa và Trạm phát sóng viễn thông xã Lê Trì để thực hiện Công trình Văn hóa lịch sử và Bìa ghi danh liệt sĩ	0,63		0,63	Xã Lê Trì	Số: 298/VNPT-AGG ngày 23 tháng 2 năm 2023	
	<i>VII.4 ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ</i>	0,58	0,18	0,40			
1	Mở rộng Trạm Y Tế Cò Tô	0,33	0,13	0,20	Thị trấn Cò Tô		
2	Mở rộng Trạm Y Tế Núi Tô	0,25	0,05	0,20	Xã Núi Tô		
	<i>VII.5 ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</i>	21,46	6,23	15,23			
*	<i>Trường Trung cấp, dạy nghề</i>						
	Mở rộng Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh An Giang (Hạng mục: Nông trại thực nghiệm phục vụ dạy nghề)	5,00		5,00	Xã Núi Tô		
*	<i>Trường học phổ thông</i>						
	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Gia	2,00		2,00	Xã Vĩnh Gia		
*	<i>Trường học cơ sở</i>						
1	Mở rộng Trường Trung học cơ sở An Tức	0,80	0,50	0,30	Xã An Tức		
2	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Tà Đảnh	0,96	0,86	0,10	Xã Tà Đảnh		
3	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Ô Lâm	0,75	0,55	0,20	Xã Ô Lâm		
4	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Vĩnh Gia	0,50	0,40	0,10	Xã Vĩnh Gia		
5	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Lạc Quới	1,43	0,93	0,50	Xã Lạc Quới		
*	<i>Tiểu học</i>						
1	Mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Ba Chúc (điểm chính)	0,34	0,24	0,10	Thị trấn Ba Chúc		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lí	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
2	Xây mới Trường tiểu học A TT. Trí Tôn (Dời về TTGDTX)	0,40	0,40		Thị trấn Trí Tôn		
3	Mở rộng Trường Tiểu Học B An Tức	0,73	0,53	0,20	Xã An Tức		
4	Mở rộng Trường Tiểu học Vĩnh Phước	0,67	0,27	0,40	Xã Vĩnh Phước		
5	Mở rộng Trường Tiểu Học B Ô Lâm (ĐC) ấp Phước An	0,58	0,38	0,20	Xã Ô Lâm		
6	Mở rộng Trường Tiểu học B Lương An Trà (ấp Giồng cát)	0,78	0,48	0,30	Xã Lương An Trà		
7	Mở rộng trường TH Tân Tuyền điểm phụ Tân Lập	0,08		0,08	Xã Tân Tuyền		
8	Quy đất Xây mới Trường Tiểu học	1,00		1,00	Thị trấn Trí Tôn		
*	Mầm non, mẫu giáo						
1	Trường Mầm non Ba Chúc	2,00		2,00	Thị trấn Ba Chúc		
2	Mở rộng Trường Mẫu giáo điểm chính (ấp Ninh Thuận)	0,36	0,16	0,20	Xã An Tức		
3	Mở rộng Trường MN Cò Tô	0,35	0,20	0,15	Thị trấn Cò Tô		
4	Mở rộng Trường Mẫu Giáo Ô Lâm (Điểm chính)	0,47	0,25	0,22	Xã Ô Lâm		
5	Trường Mẫu Giáo Ô Lâm (điểm phụ)- ấp Phước Long	0,20		0,20	Xã Ô Lâm		
6	Trường mẫu giáo Tân Tuyền (điểm chính) ấp Tân Đức	0,40		0,40	Xã Tân Tuyền		
7	Trường Mẫu Giáo Vĩnh Gia (Điểm phụ) ấp Vĩnh Lạc	0,10		0,10	Xã Vĩnh Gia		
8	Trường Mẫu Giáo (Điểm phụ) ấp An Thanh	0,05		0,05	Xã Lê Trì		
9	Mở rộng Trường Mẫu Giáo Lê Trì	0,35	0,28	0,07	Xã Lê Trì		
10	Xây mới Trường Mầm non Lương An Trà (đp) - ấp Phú Lâm	0,13		0,13	Xã Lương An Trà		
11	Quy đất Xây mới Trường Mẫu Giáo	0,85		0,85	Thị trấn Trí Tôn		
	Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030						
	Trường Mẫu giáo Lạc Quới (điểm chính)	0,26		0,26	Xã Lạc Quới	UBND xã đăng ký nhu cầu	
VII.6	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO	13,88	0,40	13,48			
1	Sân vận động và khu liên hợp TDTT	3,13		3,13	Xã Núi Tô		
2	Sân thể thao thị trấn (đất Trường TH A Điểm phụ cũ chuyển sang)	0,95		0,95	Thị trấn Cò Tô		
3	Mở rộng sân đua bò	2,00		2,00	Xã Núi Tô		
4	Sân thể thao xã	1,20		1,20	Xã Núi Tô		
5	Sân thể thao xã	1,20		1,20	Xã Tân Tuyền		
6	Sân thể thao xã	1,20		1,20	Xã Vĩnh Gia		
7	Sân thể thao xã	1,20		1,20	Xã Vĩnh Phước		
8	Sân thể thao xã	1,20		1,20	Xã Lương An Trà		
9	Sân thể thao xã	0,80		0,80	Xã Ô Lâm		
10	Mở rộng sân thể thao xã	1,00	0,40	0,60	Xã An Tức		
VII.7	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG	197,40		197,40			
1	Nhà máy điện sinh khối Châu Lăng	50,00		50,00	Xã Châu Lăng		
2	Nhà máy điện sinh khối Lương An Trà (nằm trong cụm công nghiệp Lương An Trà 2 được tính vào đất cụm công nghiệp)	60,00		60,00	Xã Lương An Trà		
3	Kêu gọi đầu tư Điện năng lượng mặt trời (nam Kênh Vĩnh tế 7- kênh quán khu)	20,00		20,00	Xã Lạc Quới		
4	Nhà máy Điện năng lượng mặt trời An Cư (TV Tây kênh T5)	65,00		65,00	Xã Vĩnh Phước		
5	Cải tạo Đường dây 220KV Châu Đốc - Kiên Bình	2,40		2,40	Lê Trì, Ba Chúc, Lạc Quới, Vĩnh Phước		
	Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030						
1	Nhà máy điện gió Châu Lăng CCG	523,00		523,00	Lê Trì, Châu Lăng	Số: 1599 /SCT-QUNL ngày 11 tháng 10 năm 2022	
VII.8	ĐẤT CÔNG TRÌNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	0,05		0,05			
1	Bưu điện	0,01		0,01	Xã Vĩnh Phước		
2	Bưu điện văn hóa xã Lê Trì	0,04		0,04	Xã Lê Trì		
VII.9	ĐẤT CỔ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA	0,10		0,10			
1	Di tích Hồ thờ An Lợi	0,10		0,10	Xã Châu Lăng		
VII.10	ĐẤT BÀI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI	5,00		5,00			
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn và sinh hoạt tập trung của huyện (Cty TNHH Trường An Thoại Sơn)	5,00		5,00	Xã Lê Trì		
2	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện công suất 500/tấn/ngày đêm	1,01		1,01	Xã An Tức	Số: 426 /BC-TNMT ngày 16 tháng 5 năm 2023	
VII.11	ĐẤT NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ, NHÀ HÓA TÁNG	4,20	1,60	2,60			
1	Nghĩa địa (ấp An Phước)	0,50		0,50	Xã Vĩnh Phước		
2	Mở rộng Nghĩa địa (ấp An Thanh)	0,20		0,20	Xã Lê Trì		
3	Nghĩa địa Lạc Quới	1,00		1,00	Xã Lạc Quới		
4	Mở rộng Nghĩa địa (ấp Ninh Phước)	3,00	1,60	1,40	Xã Lương An Trà		
VII.12	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỊCH VỤ XÃ HỘI						
1	Khu quản lý người nghiện ma túy tại xã Lương An Trà, huyện Trí Tôn	6,00		6,00	Xã Lương An Trà	Số: 110 /UBND-KT ngày 3 tháng 2 năm 2023	
VII.13	ĐẤT CHỢ	2,18		2,18			
1	Chợ Cò Tô	0,38		0,38	Thị trấn Cò Tô		
2	Chợ An Tức	0,30		0,30	Xã An Tức		
3	Chợ Vĩnh Phước	0,50		0,50	Xã Vĩnh Phước		
4	Chợ gia súc (chợ Bò)	1,00		1,00	Xã Vĩnh Gia		
	Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030						
1	Chợ Lê Trì	0,50		0,50	Xã Lê Trì	UBND xã đăng ký nhu cầu	
VIII	ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG	0,05		0,05			
1	Văn phòng ấp Tân Thuận	0,01		0,01	Xã Tà Đảnh		
2	Văn phòng khóm 5 (đất công)	0,01		0,01	Thị trấn Trí Tôn		
3	Văn phòng ấp Gò Leng (đất công)	0,01		0,01	Xã Châu Lăng		
4	Văn phòng khóm An Định	0,01		0,01	Thị trấn Ba Chúc		
	Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030						
5	Văn phòng ấp Tân Trung	0,01		0,01	Xã Tà Đảnh	UBND xã đăng ký nhu cầu	
IX	ĐẤT KHU VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CỘNG CỘNG	12,74		12,74			
1	Công viên Trần Hưng Đạo	1,00		1,00	Thị trấn Trí Tôn		
2	Công viên cây xanh cấp đường tỉnh 943	3,00		3,00	Thị trấn Cò Tô		
3	Công viên cây xanh hành lang trung tâm đô thị Cò Tô	6,50		6,50	Thị trấn Cò Tô		
4	Công viên, cây xanh đô thị Ba Chúc	2,00		2,00	Thị trấn Ba Chúc		
5	Công viên chợ	0,10		0,10	Xã Lương Phi		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Công viên xã	0,04		0,04	Xã Tà Đanh	UBND xã đăng ký nhu cầu	
2	Công viên cầu Lạc Quối 2	0,15		0,15	Xã Lạc Quối	UBND xã đăng ký nhu cầu	
X	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	343,17		343,17			
	<i>Nhu cầu quy hoạch Khu dân cư phát triển theo dự án</i>						
1	Khu dân cư biệt thự nhà vườn (đường vào sân Dưa Bò)	20,00		20,00	Xã Núi Tô		
2	Khu Tái định cư Tô Trung	1,00		1,00	Xã Núi Tô		
3	Khu dân cư Tô Thuận	6,00		6,00	Xã Núi Tô		
4	Khu Dân cư phát triển theo dự án	20,00		20,00	Xã Châu Lăng		
5	Khu dân cư kết hợp chợ biên giới	40,00		40,00	Xã Lạc Quối		
6	Khu dân cư phát triển theo dự án	10,00		10,00	Xã Lê Trì		
7	Khu dân cư phổ Núi (AnTraco)	20,00		20,00	Lương Phi, Châu Lăng		
8	Khu Dân Cư chợ (núi dài)	1,10		1,10	Xã Vĩnh Gia		
9	Khu dân cư mới phát triển theo dự án	10,00		10,00	Xã Vĩnh Phước		
10	Khu dân cư kết hợp Chợ	2,50		2,50	Xã Vĩnh Phước		
11	Khu dân cư Thanh Thái TVK 13	9,80		9,80	Xã Tà Đanh		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Khu dân cư diện mặt trời An Hào	11,67		11,67	Xã Châu Lăng		
2	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở trong các tuyến dân cư hiện hữu và các tuyến dân nhà vườn cấp đường giao thông	191,10		191,10	12 xã		
XI	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	232,44		232,44			
	<i>Nhu cầu quy hoạch Khu dân cư phát triển theo dự án</i>						
1	Khu dân cư đô thị mới (Khu hành chính mới)	10,00		10,00	Thị trấn Tri Tôn		
2	Khu dân cư đô thị (hướng Bắc- Nam Nguyễn Thị Minh Khai)	20,00		20,00	Thị trấn Tri Tôn		
3	Khu dân cư đô thị (hướng Nam Lý Tự Trọng núi dài)	7,00		7,00	Thị trấn Tri Tôn		
4	Khu dân cư đô thị (giáp ranh Núi Tô)	50,00		50,00	Thị trấn Tri Tôn		
5	TĐC Kênh Tri Tôn (Lấp đoạn kênh Tri Tôn từ Cầu 16- Chợ Tri tôn)	1,44		1,44	Thị trấn Tri Tôn		
6	Khu dân cư đô thị mới (khu hành chính mới)	9,00		9,00	Thị trấn Cò Tô		
7	Khu tái định cư - Tô Phước	2,00		2,00	Thị trấn Cò Tô		
8	Khu dân cư đô thị mới Ba Chúc	10,00		10,00	Thị trấn Ba Chúc		
9	Khu Dân cư phát triển theo dự án	10,00		10,00	Thị trấn Ba Chúc		
10	Bến xe cũ chuyển công năng sang đất ở	1,00		1,00	Thị trấn Tri Tôn		
11	Khu dân cư phát triển đô thị tại thị trấn Tri Tôn	58,00		58,00	Thị trấn Tri Tôn		
12	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở trong các tuyến dân cư hiện hữu và các tuyến dân nhà vườn cấp đường giao thông	54,00		54,00	03 thị trấn		
XII	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN	2,90		2,90			
1	Khu hành chính mới Thị trấn Cò Tô	2,00		2,00	Thị trấn Cò Tô		
2	Ban Chỉ huy quân sự Thị trấn Cò Tô	0,50		0,50	Thị trấn Cò Tô		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Trụ sở BCHQS xã Ô Lâm	0,20		0,20	Xã Ô Lâm		
2	Trụ sở BCHQS xã Núi Tô	0,20		0,20	Xã Núi Tô	Số:16/BC-TCKH ngày 15 tháng 02 năm 2023	
3	Khu hành chính xã Lạc Quối	0,5		0,5			
XIII	ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG	0,18		0,18			
1	Nhà thờ Giáo xứ Tân Tuyên	0,18		0,18	Xã Tân Tuyên	Số: 06/STNMT-DD ngày 3 tháng 1 năm 2023	
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP						
I	ĐẤT TRỒNG LÚA						
1	Vùng trồng công nghệ cao, lúa hữu cơ	500,00		500,00	Xã Tân Tuyên		
2	Vùng trồng lúa công nghệ cao (ấp Tô Hà, Tô Thuận)	219,00		219,00	Xã Núi Tô		
3	Vùng phục hợp sản xuất lúa hữu cơ	105,00		105,00	Xã Lương An Trà		
II	ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM	2.083,60	114,00	1.969,60			
1	Vùng chuyển đổi cơ cấu trồng sang cây ăn trái	100,00	10,00	90,00	Xã Tân Tuyên		
2	Vùng chuyển đổi cơ cấu trồng rau ăn toàn ứng dụng công nghệ cao (cấp kênh Tân Vong)	20,00		20,00	Xã Tân Tuyên		
3	Chuyển đổi CCCT khu vực lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái (khu vực hồ Ô Tà Sóc)	100,00	50,00	50,00	Xã Lương Phi		
4	Chuyển đổi đất rừng sản xuất Lương An Trà sang đất trồng lúa	23,60		23,60	Xã Lương An Trà		
5	Vùng chuyển canh sản phẩm chế biến thức ăn, gia súc (ấp Tô Lợi- Tô Phước)	860,00		860,00	Thị trấn Cò Tô		
6	Chuyển đổi CCCT vùng nông nghiệp trải nghiệm cây ăn trái phục vụ du lịch (ấp Tô Thuận)	280,00		280,00	Xã Núi Tô		
7	Chuyển đổi CCCT khu vực lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái (ấp Phước Bình, Phước Lộc)	500,00		500,00	Xã Ô Lâm		
8	Chuyển đổi CCCT khu vực lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái (khu vực bến bà Chú)	200,00	54,00	146,00	Xã Lê Trì		
9	Vùng nguyên liệu trồng cỏ, thức ăn gia súc (phục vụ trang trại bò sữa -TH True Milk)	3,00		3,00	Vĩnh Phước, Vĩnh Gia, Lạc Quối, Lương An Trà		
10	Vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy điện sinh khối (khu vực đất trồng lúa kém hiệu quả)	5.000,00	5.000,00		Toàn huyện		
11	Vùng trồng cây dược liệu (đất trồng lúa kém hiệu quả khu vực chân núi, trên triền núi và xen canh dưới tán rừng: núi Dài, núi Tuyền, núi Cò Tô, núi Nam Quy)	1.000,00	250,00	750,00	Lê Trì, Lương Phi, Núi Tô, Ô Lâm, Ba Chúc, Châu Lăng		
III	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	113,34		113,34			
1	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung cấp kênh T4 TW	30,00		30,00	Xã Vĩnh Gia		
2	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung cấp bờ bắc kênh Vĩnh Tế	40,00		40,00	Xã Vĩnh Gia		
3	Vùng NTTS cấp kênh ông Tà (ấp Cây Gòn)	25,00		25,00	Xã Lương An Trà		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
4	Trang trại nuôi trồng thủy sản nội địa Lạc Quối	8,00		8,00	Xã Lạc Quối	UBND xã đăng ký nhu cầu	
5	Vùng nuôi trồng thủy sản (bờ tây kênh 24)	30,00		30,00	Xã Lạc Quối	UBND xã đăng ký nhu cầu	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Điều chỉnh quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
IV	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	1.782,82	168,80	1.614,02			
1	Dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa Công nghệ cao (TH True Milk)	174,80	5,19	169,61	Xã Vĩnh Phước		
2	Dự án vùng nông nghiệp công nghệ cao (Công ty CPĐT PT NNCNC MPA)	50,17	1,01	49,16	Xã Vĩnh Gia		
3	Dự án vùng nguyên liệu Sản xuất chuối chế biến XK, phát triển giống chuối Cây mô CNC	400,00	150,00	250,00	Xã Vĩnh Phước		
4	Trang trại Chăn nuôi CNC, trồng cây ăn quả kết hợp điện NLMT áp mái	6,15		6,15	Xã Vĩnh Phước		
	(Công ty Đại Gia Trang)						
5	Trang trại chăn nuôi heo Công nghệ cao (Công ty Xanh Việt)	12,60		12,60	Xã Tân Tuyển		
6	Mở rộng trang trại Chăn nuôi heo công nghệ cao (Công ty Việt Thắng)	27,60	12,60	15,00	Xã Lương An Trà		
7	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ấp Phú Lâm)	350,00		350,00	Xã Lương An Trà		
8	Vùng nông nghiệp công nghệ cao trồng cây dược liệu kết hợp điện NLMT (ấp Ninh Phước + ấp Cây Gòn)	100,00		100,00	Xã Lương An Trà		
9	Vùng nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện NLMT (ấp Ninh Phước)	50,00		50,00	Xã Lương An Trà		
10	Vùng nông nghiệp công nghệ cao	21,00		21,00	Xã Lương An Trà		
11	Vùng nông nghiệp công nghệ cao cây dược liệu (khu vực Soái So)	2,80		2,80	Xã Núi Tô		
12	Vùng NNCNC Nuôi trồng thủy sản kết hợp Điện NLMT (khu đất quân khu)	300,69		300,69	Xã Lương An Trà		
13	Vùng NNCNC Nuôi trồng thủy sản kết hợp Điện NLMT (khu đất quân khu)	218,31		218,31	Xã Vĩnh Phước		
	<i>Đăng ký mới kỳ điều chỉnh QH 2021-2030</i>						
1	Khu liên hợp chăn nuôi bò thịt huyện Trĩ Tôn	60,00		60,00	Xã Lương An Trà	Số: 440/UBND-KTN ngày 21 tháng 4 năm 2023	
2	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao	8,70		8,70	Xã Vĩnh Phước	Số: 2774 /SKHĐT-DN ngày 21 tháng 10 năm 2022 (Minh Phước Thịnh)	
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác cho các hộ gia đình nuôi chim yến phù hợp quy hoạch	7,00		7,00	Các xã		
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác cho các hộ cá nhân áp mái điện năng lượng mặt trời	2,00		2,00	Các xã		
5	Trang trại chăn nuôi vịt CNC	1,6		1,6	Lạc Quới	UBND xã đăng ký nhu cầu	